

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12 đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Số điện thoại: 02513.951771

Số fax: 02513.952505

Website: www.sonaenco.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2017

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG ----- 3

Thông tin khái quát -----	4
Quá trình hình thành và phát triển -----	5
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh -----	7
Định hướng phát triển -----	8
Sơ đồ tổ chức -----	9
Các rủi ro -----	11

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 13

Tình hình hoạt động SXKD -----	14
Tổ chức và nhân sự -----	16
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án -----	19
Tình hình tài chính -----	21
Cơ cấu cổ đông, vốn chủ sở hữu -----	23
Báo cáo phát triển bền vững -----	24



III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 27

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD -----	28
Tình hình tài chính -----	30
Những cải tiến trong năm -----	31
Kế hoạch phát triển trong tương lai-----	32
Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội -----	32

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 33

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	34
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc -----	34
Kế hoạch và định hướng 2018-----	34

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY----- 35

Hội đồng quản trị -----	36
Ban Kiểm soát-----	40
Các giao dịch, thù lao -----	42

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH----- 43

Ý kiến kiểm toán -----	44
Báo cáo tài chính kiểm toán -----	46



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
Tên viết tắt	SONAENCO
Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 12 đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Số điện thoại	02513.951771
Số fax	02513.952505
Website	www.sonaenco.com.vn
Mã cổ phiếu	SZE
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600274914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18/04/2017

Logo



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi là Công ty Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa được UBND tỉnh Đồng Nai thành lập trên cơ sở sát nhập 2 đơn vị là Xí nghiệp Chế biến gỗ gia dụng và Công ty vệ sinh thành phố Biên Hòa.

Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai.

1994

4/2008

UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định chuyển đổi Công ty Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa.

7/2010

1/2015

Công ty là doanh nghiệp thành viên (công ty con) của tổ hợp Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp.

UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai thành Công ty cổ phần.

Công ty được UBCK chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 304/UBCK-GSDC ngày 18/01/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty ra mắt dịch vụ mới: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

7/2015

1/2016

4/2017

10/2015

11/2016

Công ty được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ☞ Quét dọn đường phố, vỉa hè;
- ☞ Thu gom rác thải sinh hoạt;
- ☞ Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- ☞ Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác sinh hoạt và công nghiệp, y tế);
- ☞ Xử lý nước thải;
- ☞ Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ (không tái chế và sản xuất tại trụ sở Công ty)
- ☞ Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;
- ☞ Thi công xây dựng công trình giao thông, dân dụng; San lấp mặt bằng;
- ☞ Quản lý chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh, hoa kiểng đường phố; Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại
- ☞ Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh;
- ☞ Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông; Khảo sát thiết kế và thi công các công trình điện chiếu sáng, điện trang trí, điện trung thế và trạm biến áp đến 35KV;
- ☞ Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ; Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang;
- ☞ Xây dựng, quản lý các dịch vụ và duy tu bảo dưỡng phục vụ khu dân cư;
- ☞ Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh du lịch, khách sạn, khu vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, chợ đêm;
- ☞ Sản xuất, mua bán, lắp đặt các thiết bị môi trường; Đại lý phân phối các thiết bị về môi trường.
- ☞ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty thực hiện những công trình dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chủ yếu là thành phố Biên Hòa.



THÔNG TIN CHUNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- ☞ Trở thành một công ty có chất lượng dịch vụ tốt, luôn đổi mới, cải tiến, vươn đến hoàn thiện nhằm làm hài lòng khách hàng.
- ☞ Tạo công ăn việc làm ổn định, môi trường làm việc năng động, thu nhập cao cho toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty.
- ☞ Xây dựng thương hiệu cho Công ty để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị, là lựa chọn số 1 đối với các tổ chức, chủ đầu tư nhờ vào uy tín và khả năng cung cấp dịch vụ tốt nhất

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- ☞ Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện,...
- ☞ Góp phần vào việc xây dựng thành phố Biên Hòa xanh, sạch, đẹp và văn minh.
- ☞ Kết hợp cùng các cơ quan chức năng và địa phương trong công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng các giải pháp vận động người dân trong các hoạt động bảo vệ môi trường, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường từ các trường học ...



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

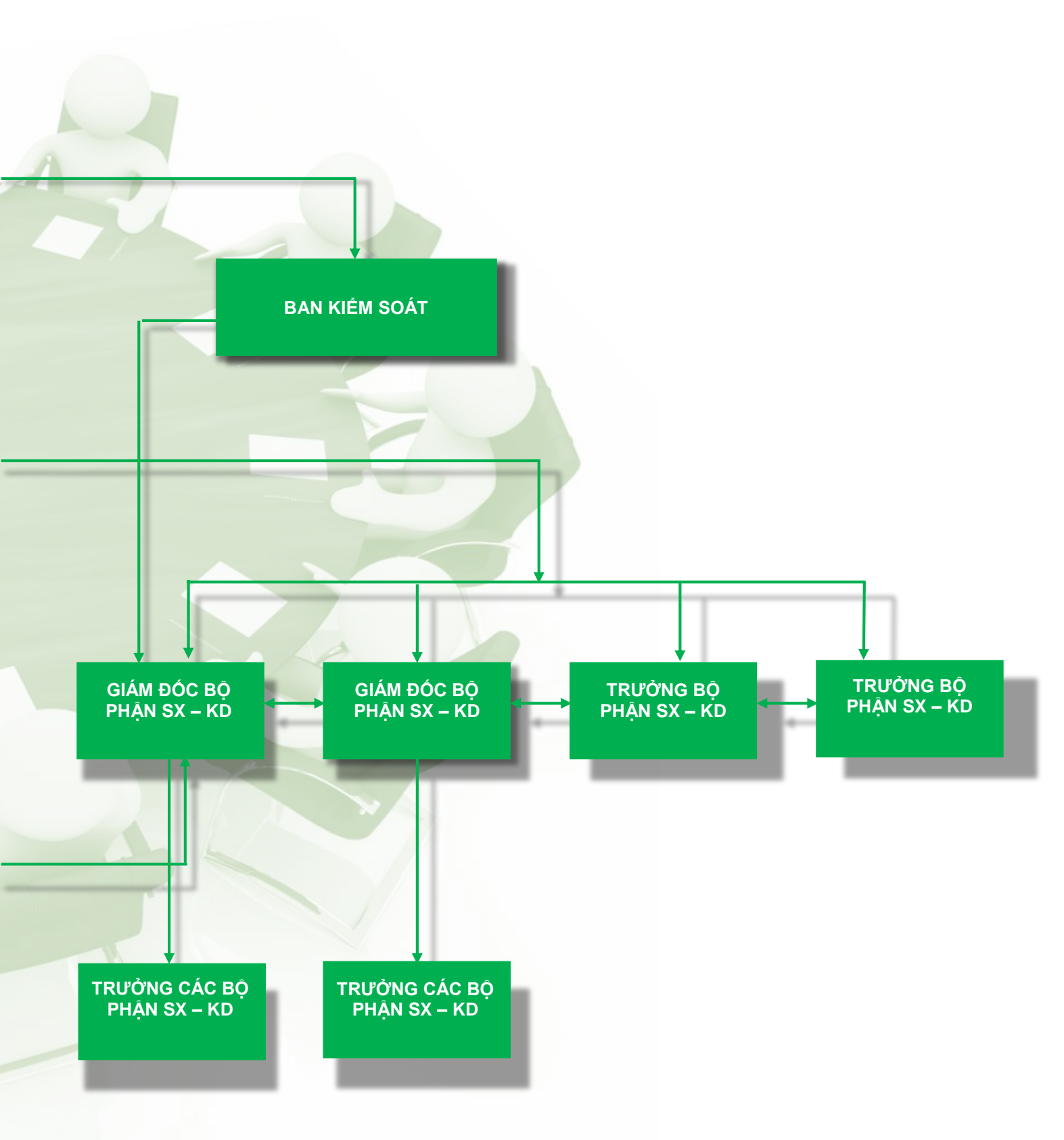
- ☞ Phát triển nguồn nội lực của công ty bằng việc chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, thực hiện những chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân người giỏi và thu hút nguồn lao động có chuyên môn.
- ☞ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có và triển khai mở rộng các loại dịch vụ này xuống các huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khó của khách hàng.
- ☞ Lấy chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng và giá thành hợp lý làm lợi thế cạnh tranh. Tập trung cải thiện chăm sóc khách hàng bằng cách tổ chức hội nghị khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp khách hàng nhằm hoàn thiện dịch vụ, sản phẩm của Công ty; tổ chức các đợt chăm sóc khách hàng định kỳ, ...
- ☞ Ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, cung ứng dịch vụ của công ty nhằm đảm bảo giá thành hợp lý, rút ngắn thời gian cung ứng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- ☞ Công ty chủ động ứng dụng các công cụ Online Marketing thông qua nâng cấp, cải tiến Website của Công ty để khách hàng, cổ đông dễ dàng tiếp cận thông tin. Điều này được kỳ vọng là một trong những phương pháp hiệu quả cho hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty.
- ☞ Đầu tư phát triển các lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích; Cân đối nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay trong cơ cấu vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính, phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty trong dài hạn.
- ☞ Tập trung nguồn lực vào các ngành nghề chính của Công ty thuộc lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Ngoài ra, Công ty sẽ cân nhắc mở rộng đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, nâng cao doanh thu cho công ty.



THÔNG TIN CHUNG

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





THÔNG TIN CHUNG

CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 6.81%, vượt mục tiêu 6,7% mà Chính phủ đề ra. Không chỉ vậy, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam FDI cũng tăng 12,8% so với 2016, đặc biệt nhắm vào các tỉnh đang phát triển nhanh gồm Đồng Nai, Đà Nẵng, Vũng Tàu, ... Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi hoạt động chủ yếu trong khu vực thành phố Biên Hòa trực thuộc tỉnh Đồng Nai đã có thể nhận được những cơ hội lớn trong năm, đặc biệt khi quá trình hội nhập kinh tế ngày càng được phổ biến. Tuy nhiên, nền kinh tế hội nhập cũng có thể mang đến bất lợi từ việc cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp ở cả trong và ngoài nước, cũng như sự bất đồng trong các chính sách và pháp luật đa quốc gia. Vì thế, Công ty luôn theo sát những thay đổi từ kinh tế vĩ mô để có thể ứng phó kịp thời với những biến động.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi hoạt động và chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Bộ Luật Lao động, Luật Chứng khoán ... và các văn bản dưới luật có liên quan. Ngoài ra, khi hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường, SZE chủ yếu chịu sự giám sát của Luật Bảo vệ môi trường. Mặc dù trong những năm qua, Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật khi chưa từng vi phạm trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, Sonadezi vẫn luôn ý thức cập nhật, nắm rõ những quy định của Nhà Nước để tránh gây hậu quả ảnh hưởng tới uy tín cũng như hoạt động của công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động Công ty còn đối mặt với những rủi ro mang tính khách quan khác như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn... mà hậu quả sẽ gây ra thiệt hại lớn đến hiệu quả kinh doanh.

THÔNG TIN CHUNG





RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro hoạt động

Ngành dịch vụ công ích phải chịu sự kiểm soát đơn giá đầu ra từ các cơ quan ban ngành, tuy nhiên, trong những năm gần đây, đơn giá dịch vụ có xu hướng giảm trong khi các chi phí thuế môi trường, chi phí nhân công, chi phí đầu tư, thay mới máy móc tăng nhanh sẽ là trở ngại lớn trong quá trình hoạt động để tạo lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trước triển vọng từ khu vực tỉnh Đồng Nai, các công trình xây dựng tại thành phố được đầu tư và đang trong quá trình thi công có thể gây khó khăn cho hoạt động thu gom và vận chuyển rác. Thêm vào đó, Nhà Nước đã đưa ra chính sách khuyến khích áp dụng đấu thầu đối với các hoạt động dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Trước rủi ro mất đi thị phần kinh doanh hiện có, Công ty đã tăng cường thu hút vốn, đẩy mạnh cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ được vị thế của mình.

Rủi ro về môi trường

Hoạt động trong mảng công ích đô thị, Công ty luôn nỗ lực trong việc đảm bảo môi trường sống trong lành cũng như xây dựng và giữ vững vẻ đẹp cảnh quan thành phố Biên Hòa. Tuy nhiên, công việc vận chuyển rác thải dễ gây ảnh hưởng môi trường sống của người dân, đồng thời, các loại rác thải hiện tại chỉ có thể xử lý bằng cách chôn lấp nên việc bãi rác không đủ sức chứa có thể khiến chi phí cho việc xử lý rác thải hàng ngày tăng lên và tạo thêm áp lực cho công nhân viên Công ty. Do đó, Công ty đã chủ động cải thiện các trang thiết bị, công cụ làm việc, cũng như phối hợp với các ban ngành của UBND thành phố Biên Hòa trồng cây xanh, khảo sát ý kiến người dân cho việc mở rộng bãi rác thành phố, tham khảo các đề xuất xử lý và phòng tránh các vấn đề ô nhiễm.

THÔNG TIN CHUNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, vốn chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Năm 2017, Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch năm. Trong đó, tổng doanh thu năm 2017 ở mức 343,4 tỷ đồng, đạt 139% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế là 26,75 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch.

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016*	KH 2017	Năm 2017	TH/KH 2017
Doanh thu thuần	Tr. đồng	385.264	246.997	343.422	1,39
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	49.039	30.247	33.275	1,10
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	40.810	24.198	26.753	1,11

*Số liệu được tính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (14 tháng).



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016*		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cung cấp dịch vụ	Tr. Đồng	382.268	99,22%	336.225	99,3%
Bán hàng hóa	Tr. Đồng	1.511	0,39%	1.824	0,54%
Doanh thu với các bên liên quan	Tr. Đồng	1.484	0,39%	530	0,16%
Tổng cộng	Tr. Đồng	385.264	100%	338.580	100%

CƠ CẤU CHI PHÍ

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016*		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Tr. Đồng	308.003	90,32%	281.039	90,61%
Chi phí tài chính	Tr. Đồng	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	Tr. Đồng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. Đồng	32.716	9,59%	28.615	9,23%
Chi phí khác	Tr. Đồng	279	0,09%	493	0,16%
Tổng cộng	Tr. Đồng	340.998	100%	310.147	100%

Do kế hoạch kinh doanh giảm xuống nên cơ cấu chi phí cũng giảm tương đương. Giá vốn hàng bán năm 2017 là 281 tỷ đồng, kế đó là chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 32,7 tỷ đồng còn 28,6 tỷ đồng, khoản chi phí khác năm 2017 là 493 triệu đồng.



Tổng kết năm 2017, để giành được quyền cung cấp dịch vụ với giá đủ bù đắp chi phí đầu vào, Công ty đã phải giảm giá để tham gia đấu thầu, trong khi giá nguyên vật liệu và nhân công luôn tăng. Từ đó khiến doanh thu và lợi nhuận trong năm giảm. Tuy nhiên, SZE luôn tập trung hoàn thành tốt các dịch vụ công cộng cho thành phố Biên Hòa, tăng cường các công tác quản lý vận hành, duy tu sửa chữa công trình, đảm bảo thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn. Bên cạnh đó, SZE cũng nỗ lực cải thiện cơ cấu và năng lực của mình, thực hiện đầu tư tài sản và tham gia các dự án môi trường đối với tỉnh Đồng Nai nói riêng và đối với sự hoàn thiện và phát triển chung của đất nước.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Trần Võ Hoài Hương	Kế Toán trưởng



THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Ông Võ Thành Tín thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc công ty kể từ ngày 01/04/2017 theo Quyết định số 87/QĐ-SZE-HĐQT.

TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Bạch Văn Hiền – Tổng Giám đốc	
Năm sinh	04/12/1960
Địa chỉ thường trú	234, đường Đỗ Văn Thi, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	19.235 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.500.000 cổ phần (Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp)

Ông Nguyễn Ngọc Danh - Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	05/08/1959
Địa chỉ thường trú	197 KP4, phường Thống Nhất, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán thương nghiệp
Số cổ phiếu nắm giữ	19.020 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.000.000 cổ phần (Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp)



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



Bà Quách Ngọc Bửu – Phó tổng giám đốc	
Năm sinh	07/04/1976
Địa chỉ thường trú	18/8A, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	15.845 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	73.064 cổ phần (Đại diện sở hữu cổ phần của Công đoàn Cơ sở Công ty)

Bà Trần Võ Hoài Hương – Kế toán trưởng	
Năm sinh	09/04/1985
Địa chỉ thường trú	103/53, KP3, phường Trung Dũng, tp. Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý
Số cổ phiếu nắm giữ	8.431 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.03%
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (TẠI NGÀY 31/12/2017)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	88	12,05
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	30	4,11
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	204	27,95
4	Lao động phổ thông	408	55,89
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	122	16,71
2	Lao động gián tiếp	608	83,29
III	Theo giới tính		
1	Nam	602	82,47
2	Nữ	128	17,53
Tổng cộng		730	100,00

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	2017/ 2016
Số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	753	742	0,99
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.749.249	9.511.657	0,81

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chế độ làm việc

- ☛ **Thời gian làm việc:** Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà Nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- ☛ **Nghỉ ốm, thai sản:** Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- ☛ **Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết:** Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm và được nghỉ phép 16 ngày đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc người làm việc ở những nơi có điều kiện sinh sống đặc biệt khắc nghiệt. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty cán bộ công nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Điều kiện làm việc

- ☛ Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- ☛ **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- ☛ **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- ☛ **Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước, ... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- ☛ Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.
- ☛ Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

1. Khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu

- ☞ **Mục tiêu thực hiện:** Nhằm giải quyết được vấn đề xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, TP. Biên Hòa và chất thải công nghiệp cho các KCN trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu các vấn đề về ô nhiễm môi trường.
- ☞ **Tổng đầu tư:** 339.200.000.000 đồng.
- ☞ **Quy mô:** Dự án được thực hiện với diện tích 21,7ha;
- ☞ **Công suất dự kiến của dự án:**
 - ∠ Chất thải rắn sinh hoạt: 900.908 tấn.
 - ∠ Bùn: 200.750 m³. Trong đó: Bùn hầm cầu khoảng 182.500 m³; Bùn hệ thống xử lý nước thải: 18.250 m³.
 - ∠ Chất thải công nghiệp thông thường: 330.614 tấn.
 - ∠ Chất thải nguy hại: 151.127 tấn.
 - ∠ Tổng công suất chôn lấp chất thải: 1.583.399 tấn/10 năm.
- ☞ **Tiến độ thi công:** Dự án được chia làm nhiều giai đoạn xây dựng.
 - ∠ Giai đoạn 01 bắt đầu xây dựng từ 2015 - 2016 với các hạng mục như sau: Hồ sinh hoạt 5, Hồ công nghiệp 2; Hệ thống xử lý nước thải 100 m³; Hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ.
 - ∠ Giai đoạn 2 bắt đầu xây dựng từ 2017 với các hạng mục sau: Hồ sinh hoạt 4.
 - ∠ Giai đoạn 3 bắt đầu xây dựng từ 2018 –2020: Hồ nguy hại 1; Hồ công nghiệp 1; Hồ sinh hoạt 3; hạ tầng kỹ thuật; Hồ nguy hại 2; hệ thống xử lý nước thải đơn nguyên thứ 2.
 - ∠ Giai đoạn 4 bắt đầu xây dựng từ 2021 – 2022: Hồ công nghiệp 3, hạ tầng kỹ thuật; Hồ sinh hoạt 1, hạ tầng kỹ thuật.
 - ∠ Giai đoạn 5: bắt đầu xây dựng từ 2023 xây dựng hồ sinh hoạt 2.

2. Dự án đầu tư lắp đặt giếng khoan khai thác nước ngầm phục vụ cho hoạt động của lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại công suất 5 tấn/ngày.

- ☞ **Mục tiêu thực hiện:** cung cấp nước phục vụ hoạt động của Lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại công suất 5 tấn/ngày.
- ☞ **Quy mô, công suất:** Khoan 01 giếng dự kiến chiều sâu 70 mét và lắp đặt thiết bị khai thác nước dưới đất, lưu lượng khai thác 02 m³/giờ đến 03m³/giờ. Lập báo cáo xin giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác nước ngầm được cơ quan có thẩm quyền cấp, lưu lượng 40m³/ngày.
- ☞ **Tổng đầu tư:** 98.175.000 đồng.
- ☞ **Tiến độ thực hiện:** Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

3. Đầu tư xe chuyên dùng năm 2017

- ☞ **Mục tiêu thực hiện:** Thay thế những phương tiện đã trang bị từ lâu, nay chuẩn bị hết hạn sử dụng; Bổ sung phương tiện phục vụ công tác thu gom rác thùng, dọn vệ sinh cho các đơn vị khách hàng; Trang bị thêm loại phương tiện có khả năng hoạt động mạnh mẽ, tính năng hỗ trợ cao và hiệu quả hơn nhằm phục vụ công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, tái lập vẻ mỹ quan thành phố, tiết kiệm chi phí, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai; Đầu tư thêm phương tiện vật chất đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác trên địa bàn thành phố Biên Hòa của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.
- ☞ **Quy mô, công suất:** Đầu tư 01 Xe ép rác chuyên dùng loại 5 tấn (kẹp thùng); 02 Xe ép rác chuyên dùng loại 5 tấn; 01 Xe ben loại 8 tấn; 01 Xe ép rác chuyên dùng loại 12 tấn.
- ☞ **Tổng đầu tư:** 9.806.649.353 đồng.
- ☞ **Tiến độ thực hiện:** Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

4. Đầu tư xe ép rác chuyên dùng loại 6m3

- ☞ **Quy mô, công suất:** Đầu tư 02 xe ép rác chuyên dùng loại 6m3.
- ☞ **Tổng đầu tư:** 2.132.960.655 đồng.
- ☞ **Kế hoạch thực hiện:** Đơn vị trúng thầu Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa, thời gian thực hiện 60 ngày, kể từ ngày 16/11/2017.

CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN TỪ 2018

- ☞ Mở rộng kinh doanh tại văn phòng Xí nghiệp Môi trường Vĩnh Cửu.
- ☞ Triển khai, giới thiệu các ngành nghề Công ty đang thực hiện: Chăm sóc cây xanh, duy tu cầu đường, thi công hệ thống chiếu sáng, thu gom vận chuyển và xử lý rác đến các công ty, các khu công nghiệp.
- ☞ Đầu tư nhà máy xử lý rác công suất 200 – 300 tấn/ngày tại khu xử lý Vĩnh Tân phục vụ công tác khai thác rác dọn vệ sinh, rác thùng.
- ☞ Mở rộng kinh doanh tại Trung tâm hỏa táng hoặc Nghĩa trang Long Bình.
- ☞ Triển khai công tác thu gom, vận chuyển rác y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016*	Năm 2017
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	497.325	474.561
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	385.264	343.422
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	47.974	32.688
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	1.064	587
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	49.038	33.275
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	40.810	26.753

*Số liệu được tính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (14 tháng).

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016*	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,82	2,00
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,77	1,96
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	30,1	28,1
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	43,2	39,1
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	41,03	41,39
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,77	0,70
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,59	7,90
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,75	3,88
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,21	2,75
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,45	9,65



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



Khả năng thanh toán

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp cho biết năng lực thanh toán các nghĩa vụ phải trả khi tới hạn. So với năm 2016*, nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2017 của SZE có xu hướng tăng do Công ty đã trả bớt 16,6 tỷ nợ ngắn hạn và giảm 1,4 tỷ hàng tồn kho. Nhờ vậy, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,82 lần lên 2 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 1,77 lần tăng lên 1,96 lần. Có thể thấy khả năng thanh toán của SZE được duy trì khá tốt trong hai năm gần đây.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của SZE giảm do nợ ngắn hạn trong năm giảm tới 11,09% so với mức giảm của tài sản là 4,58% và vốn chủ sở hữu chỉ giảm 1,77%. Tuy nhiên, hệ số vẫn ở mức trung bình cho thấy Công ty vẫn đang tự chủ về tài chính và có chiến lược sử dụng đòn bẩy nợ phù hợp. Hệ số Nợ/Tổng tài sản ở mức 28,1% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 39,1%. SZE không thực hiện vay dài hạn trong cơ cấu nợ của mình, nợ ngắn hạn chủ yếu gồm khoản Phải trả người bán ngắn hạn, Phải trả người lao động, Phải trả ngắn hạn khác (trong đó có Các khoản chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất Đồng Nai hơn 47 tỷ đồng)...

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Do số liệu lũy kế giữa hai năm không đồng nhất về số tháng trong năm tài chính nên việc thực hiện so sánh giữa những chỉ tiêu này không mang lại nhiều ý nghĩa. Tuy nhiên, do trong năm SZE phải giảm giá dịch vụ để tham gia đấu thầu, đồng thời chi phí nguyên vật liệu luôn biến động khó lường và các thay đổi trong chính sách của Nhà nước đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần từ 10,59% giảm còn 7,9%; Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 11,75% xuống 3,88%; Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản từ 8,21% còn 2,75% và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần từ 12,45% giảm xuống 9,65%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ công ích thường có số lượng hàng tồn kho và tài sản khá cao. Trong đó, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu và công cụ dùng trong quá trình hoạt động xử lý công trình giao thông, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh... Đồng thời, tài sản gồm các loại máy móc, thiết bị, xe ép rác chuyên dùng... Trong năm 2017, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của SZE không biến động quá nhiều so với năm trước. Vòng quay hàng tồn kho là 41,39%, nằm trong mức trung bình của ngành. Vòng quay tổng tài sản đạt khoảng 0,7% do Tổng tài sản là 475 tỷ đồng, trong khi đó doanh thu thuần là 339 tỷ đồng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- ☛ Số cổ phiếu đã phát hành: **30.000.000** cổ phiếu
- ☛ Cổ phiếu phổ thông: **30.000.000** cổ phiếu
- ☛ Mệnh giá: 10.000 đồng
- ☛ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	29,974,700	99.92%
	Nhà nước	19,212,846	64.04%
	Tổ chức	4,050,000	13.50%
	Cá nhân	6,711,854	22.37%
2	Cổ đông nước ngoài	25,300	0.08%
	Tổ chức	25,200	0.08%
	Cá nhân	100	-
	Tổng cộng	30,000,000	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	301449021	36 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	3,900,000	13.00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Để vận hành các hệ thống máy móc chuyên dụng và phục vụ công tác vận chuyển rác, bảo quản dụng cụ, thiết bị, công ty đã sử dụng nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu từ điện năng, các loại xăng dầu,... Tổng chi phí sử dụng trong năm là 35,46 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Nội dung	Thành tiền (đồng)
Tổng xăng tiêu thụ (106.561,5Lít)	1.699.989.546
Tổng dầu tiêu thụ (1.643.760Lít)	20.887.412.942
Tổng nhớt tiêu thụ (15.911,2Kg)	900.286.271
Tổng mỡ bò tiêu thụ (201Kg)	13.428.593
Tổng dầu hòa tiêu thụ (558Lít)	6.200.017
Tổng gas tiêu thụ (51.638Kg)	953.712.252
Tổng chế phẩm tiêu thụ (6.369Gallon)	11.000.985.533
Tổng	35.462.015.154

Ngoài ra, để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường sống, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

TIÊU THỤ NƯỚC

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)	Tỷ trọng
1	Gián tiếp	1.343.000	3,67%
2	Trực tiếp	35.299.000	96,33%
	Tổng cộng	36.642.000	100%

Năm 2017, Công ty sử dụng tổng cộng 36.642.000 lít nước phục vụ cho các hoạt động của mình. Trong đó, chiếm 35.299.000 tương đương 96,33% là lượng nước phục vụ cho dịch vụ chăm sóc cây xanh và quét dọn đường phố, vỉa hè. Bên cạnh đó, nguồn nước dùng cho hoạt động quản lý doanh nghiệp, công tác diễn tập PCCC ... chiếm 1.343.000 lít, tương đương 3,67% tổng lượng nước tiêu thụ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng bằng việc tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn hoạt động. Bên cạnh đó, SZE cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương. Cụ thể như sau:

- 🌿 Ủng hộ xây dựng Nhà tình thương do Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học thành phố, phường Trảng Dài phát động;
- 🌿 Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt do Ủy ban Mặt trận tổ quốc TP Biên Hòa và Hội Môi trường đô thị KCN khu vực miền Nam phát động;
- 🌿 Tham gia "Quỹ nạn nhân chất độc da cam", "Quỹ vì biển đảo", "Quỹ vì người nghèo", "Quỹ đền ơn đáp nghĩa";
- 🌿 Ủng hộ gia đình chính sách và các chương trình thấp sáng ước mơ, hỗ trợ các gia đình khó khăn hưởng Tết Nguyên đán do phường Trung Dũng, Hòa Bình, Hiệp Hòa, Thống Nhất, ... phát động.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhận thức chất lượng nguồn nhân lực là động lực phát triển lâu dài, Công ty đã có những chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.

Cán bộ Công nhân viên chức Công ty được làm việc trong môi trường văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD



BỐI CẢNH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của Công ty là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, là một trong những trung tâm công nghiệp năng động nhất cả nước. Ngoài ra, thành phố Biên Hòa còn là thành phố trực thuộc tỉnh có dân số lớn nhất cả nước, điều này làm thành phố Biên Hòa trở thành một thị trường đầy tiềm năng cho lĩnh vực dịch vụ môi trường. Năm 2017, kinh tế tỉnh Đồng Nai ghi nhận những bước tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Với vị thế là một doanh nghiệp có bề dày hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công cộng trên địa bàn 30 phường xã thuộc thành phố Biên Hòa và đã chiếm lĩnh được thị phần lớn trong ngành môi trường tại thành phố Biên Hòa.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH/TH 2017
Doanh thu	1.000đ	246.997.000	343.422.000	139%
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	24.198.000	26.753.359	111%
Nộp ngân sách (không thuế TNCN)	1.000đ	21.422.000	28.995.802	135%
Tỷ suất LN/vốn	%	7,99	8,7	109%
Lao động bình quân	người	747	742	99,3%
Thu nhập bình quân	đ/người	9.895.064	9.511.657	96,1%
Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu				
Dịch vụ công ích				
Quét đường	m ²	272.574.000	259.894.192	95,3%
Thu gom, vận chuyển RCC TP.Biên Hòa	Tấn	264.039	243.483,23	92,2%
Thu gom, vận chuyển RCC Nhơn Trạch	Tấn	-	39.678,19	-
Thu gom, vận chuyển RCC Long Thành	Tấn	-	33.291,77	-
Thu gom, vận chuyển RCC Vĩnh Cửu	Tấn	-	24.589,14	-
Xử lý rác công cộng	Tấn	156.000	168.430,64	108%
Bảo quản chăm sóc CV	ha/th	16,22	14,52	90%
Quét duy trì dải phân cách	ha/th	1.330.215	922.056	69%
Dịch vụ tạp khai thác				
Vận chuyển, xử lý rác DVS	m ³	84.000	85.870,50	102%
Vận chuyển, xử lý rác thùng	Thùng	147.000	145.965	99,2%
Xúc vận chuyển rác chợ	Tấn	8.500	6.533,84	76,8%
Thu gom rác phố	Hộ b/q	132.000	132.939,25	101%
Xử lý rác y tế	kg	413.155	321.285	77,8%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thực hiện công tác đấu thầu các dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Trong năm 2017, thành phố Biên Hòa triển khai đấu thầu 02 gói thầu: Gói thầu thu gom và vận chuyển rác trên địa bàn Thành phố và gói thầu số 01 các dịch vụ công ích còn lại. Công ty đã trúng thầu gói thầu xúc vận chuyển rác và thực hiện liên danh với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và dịch vụ công ích Thành phố để thực hiện đấu thầu và đã trúng thầu gói thầu số 01. Trên cơ sở đã trúng thầu các gói thầu trên địa bàn thành phố Biên Hòa, Công ty đã tập trung mọi nguồn lực thực hiện tốt các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Thành phố năm 2017.

Thực hiện công tác đấu thầu công tác thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và Vĩnh Cửu

Công ty đã tham gia đấu thầu công tác xúc vận chuyển tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và đã trúng thầu tại 03 Huyện trên. Sau khi có kết quả đấu thầu, Công ty đã cho lắp đặt các thiết bị định vị trên các xe chuyên dùng, bố trí xe để triển khai thu gom và vận chuyển rác đảm bảo công tác thực hiện đạt yêu cầu theo hợp đồng trúng thầu đã được ký kết.

Thực hiện các công tác tự khai thác

Ngoài công việc trúng thầu Công ty cũng tăng cường khai thác và thu gom rác trong các hộ dân trên địa bàn 30 phường, xã, triển khai ra quân dọn dẹp vệ sinh đường phố, thu gom các ụ rác phát sinh, tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo thu gom rác trong hộ dân.

Triển khai khai thác ký hợp đồng và thu gom rác sinh hoạt tại các cơ quan đơn vị: Tăng cường công tác khai thác, chủ động liên hệ với các khu công nghiệp, các công ty để triển khai ký hợp đồng thu gom và vận chuyển rác theo hình thức đặt thùng và dọn vệ sinh.

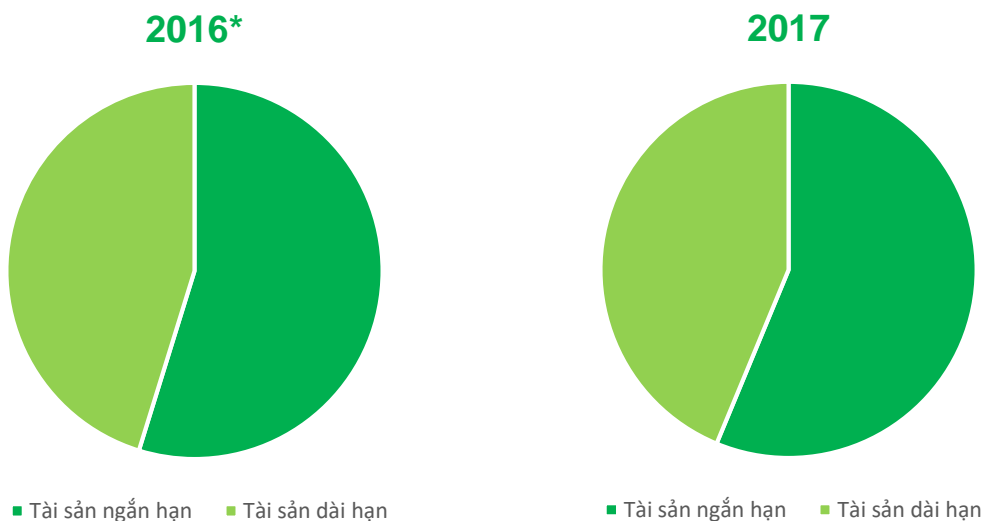


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

	ĐVT	2016*	2017	2017/2016*
Tài sản ngắn hạn	Tr. Đồng	272.454	266.968	0,98
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr. Đồng	73.063	48.276	0,66
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr. Đồng	-	9.300	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr. Đồng	190.140	202.649	1,07
Hàng tồn kho	Tr. Đồng	7.506	6.073	0,81
Tài sản ngắn hạn khác	Tr. Đồng	1.745	671	0,38
Tài sản dài hạn	Tr. Đồng	224.871	207.592	0,92
Các khoản phải thu dài hạn	Tr. Đồng	102	285	2,79
Tài sản cố định	Tr. Đồng	110.775	101.760	0,92
Tài sản dở dang dài hạn	Tr. Đồng	92.285	91.782	0,99
Đầu tư tài chính dài hạn	Tr. Đồng	7.500	7.500	1,00
Tài sản dài hạn khác	Tr. Đồng	14.209	6.265	0,44
Tổng tài sản	Tr. Đồng	497.325	474.561	0,95

- ☛ Cơ cấu tài sản của SZE khá cân bằng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng khoảng 56% và tài sản dài hạn chiếm khoảng 44% trong năm 2017. Tổng tài sản trong năm đạt 475 tỷ, biến động khoảng 4,6% so với 2016* do Công ty chưa thực hiện đầu tư tài sản năm 2017 do vấn đề chuyển nhượng dự án, tuy nhiên SZE đã có chiến lược đầu tư tài sản vào năm 2018 – 2019 như sau:
- ☛ Đầu tư nhà máy xử lý rác công suất từ 200-300 tấn ngày tại Khu xử lý Vĩnh Tân phục vụ cho công tác khai thác rác dọn vệ sinh, rác thùng;
- ☛ Đầu tư thêm 01 lò hỏa táng và khu lưu trữ tro cốt: Đầu tư thêm 01 lò hỏa táng và khu lưu trữ tro cốt theo Quyết định số 2721/QĐ-CT-UBT ngày 31/07/2002.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản mục	ĐVT	2016*	2017	2017/2016*
Nợ ngắn hạn	Tr. Đồng	149.927	133.303	0,89
Phải trả người bán ngắn hạn	Tr. Đồng	30.203	16.674	0,55
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tr. Đồng	226	279	1,23
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr. Đồng	2.143	5.682	2,65
Phải trả người lao động	Tr. Đồng	41.688	25.880	0,62
Chi phí phải trả ngắn hạn	Tr. Đồng	4.144	4.200	1,01
Phải trả ngắn hạn khác	Tr. Đồng	54.857	61.104	1,11
Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tr. Đồng	-	32	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. Đồng	16.666	19.452	1,17
Nợ dài hạn	Tr. Đồng	-	-	-
Tổng nợ	Tr. Đồng	149.927	133.303	0,89

Công ty không có nhu cầu vay nợ dài hạn, tổng nợ hiện tại là từ nợ ngắn hạn. Năm 2017, nợ ngắn hạn giảm 11% do Công ty đã trả được một số khoản tồn đọng trước đó. Do đó, tổng nợ từ 150 tỷ đồng năm 2016* giảm còn 133 tỷ đồng năm 2017.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã có những điều chỉnh về mặt tổ chức và quản lý sao cho phù hợp với định hướng phát triển của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Công ty đã xây dựng và quy định Hệ thống thang bảng lương phù hợp với định mức lao động, đơn giá tiền lương, và quy chế trả lương Công ty, hướng đến việc đảm bảo trả công lao động theo hiệu suất lao động, hiệu quả công việc.

Bên cạnh đó, SZE còn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa và phát hiện sai sót kịp thời. Đồng thời, tiến hành rà soát, đánh giá lại hoạt động của các phòng ban, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận để sắp xếp lại nhân sự sao cho phù hợp với chuyên môn, năng lực, nhằm phát huy khả năng của người lao động, hướng đến cải thiện chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2018

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành kinh tế. Tăng trưởng kinh tế ổn định khiến nguồn cung FDI ngày một tăng trên cả nước. Với vị thế là một thành phố công nghiệp, thành phố Biên Hòa được dự báo sẽ trở thành một trong những địa phương dẫn đầu trong thu hút vốn FDI. Những điều kiện thuận lợi này sẽ tạo ra thị trường tiềm năng cho ngành dịch vụ môi trường. Chính vì thế, Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi đặt mục tiêu giữ vững vị thế là Công ty đầu ngành tại thành phố Biên Hòa, mở rộng hoạt động kinh doanh trong tỉnh Đồng Nai và các địa phương lân cận.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- ✎ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý theo mô hình công ty cổ phần.
- ✎ Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cán bộ công nhân viên nhằm mục đích cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- ✎ Sắp xếp, kiện toàn lại các phòng chức năng, các bộ phận sản xuất nhằm đảm bảo sự chuẩn bị tốt nhất, sẵn sàng tham gia đấu thầu các công trình, dự án mới trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- ✎ Đảm bảo tiến độ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✎ Nâng cấp các công trình phục vụ cho cán bộ, công nhân viên nhằm mang lại môi trường làm việc thoải mái và an toàn, góp phần nâng cao năng suất làm việc của người lao động trong Công ty.

BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, Công ty luôn tự ý thức, gắn liền trách nhiệm đối với môi trường sống với mỗi hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương về bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động là một trong những yếu tố quyết định đến sự phát triển thành công và bền vững của Công ty, Ban lãnh đạo luôn tạo điều kiện để người lao động có thể phát huy hết khả năng trong một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng không ngừng cải cách chính sách lương thưởng, phúc lợi, để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Công ty tích cực tham gia các chương trình tình nguyện, chương trình thiện nguyện cùng với các Đoàn thể:

- ✎ Tham gia chương trình Vạn tấm lòng vàng do Tổng công ty Sonadezi phát động phối hợp với Đài Truyền hình Đồng Nai.
- ✎ Ủng hộ xây dựng Nhà tình thương do Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học thành phố, phường Trảng Dài phát động.
- ✎ Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt do Ủy ban Mặt trận tổ quốc TP Biên Hòa và Hội Môi trường đô thị KCN khu vực miền Nam phát động.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng 2018



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi đã tập trung thực hiện tốt các dịch vụ công cộng mà Công ty đã trúng thầu tại thành phố Biên Hòa và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu theo chủ trương Đề án đã được duyệt. Đồng thời, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng cũng như tạo doanh thu, việc làm và thu nhập cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

Tuy nhiên, trong năm một số các hoạt động của Công ty đã bị giảm bớt và chuyển nhượng, bàn giao như: Công tác chăm sóc cây xanh, công tác quản lý vận hành, duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công tác duy tu cầu, đường, mương cống. Do đó, doanh thu và lợi nhuận năm 2017 đã giảm sút so với năm 2016, nhưng do có chiến lược kinh doanh đúng đắn nên SZE đã hoàn thành tốt kế hoạch năm.

VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG

Công ty đã thực hiện tốt chính sách về môi trường, góp phần xây dựng vẻ đẹp đô thị cho thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, Công ty thực hiện dự án Sửa chữa nhà xe thành căn tin cho cán bộ, công nhân viên Công ty để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên văn phòng Công ty có nơi ăn nghỉ lịch sự đảm bảo thời gian lao động đúng nội quy công ty thời gian tới.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng quy chế, quy định của Công ty cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng Giám đốc cũng triển khai kịp thời các chỉ thị Nghị quyết của HĐQT ban hành và đồng thời tổ chức các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Hội đồng quản trị cũng thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2018

Hoàn thành tốt dự án kinh doanh hiện có và tìm kiếm cơ hội kinh doanh ở những lĩnh vực hoặc địa bàn khác, phấn đấu đạt được những chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra.

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Bãi chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.

Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển rác để đáp ứng nhu cầu mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển rác đến các huyện lân cận đồng thời thay thế các phương tiện cũ hết niên hạn sử dụng theo quy định. Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực để đáp ứng định hướng phát triển của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát

Các giao dịch, thù lao



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lương Minh Hiền	Chủ tịch	03	03/03 (100%)	
2	Bạch Văn Hiền	Thành viên	03	03/03 (100%)	
3	Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên	03	03/03 (100%)	
4	Trần Võ Hoài Hương	Thành viên	02	02/03 (67%)	Nghỉ thai sản
5	Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên	03	03/03 (100%)	
6	Quách Ngọc Bửu	Thành viên	03	03/03 (100%)	
7	Võ Thành Tâm	Thành viên	03	03/03 (100%)	

TÓM TẮT LÝ LỊCH HĐQT

Lương Minh Hiền – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	10/11/1975
Địa chỉ thường trú	29/A Tổ 3, Khu phố 1, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-
Số cổ phần đại diện sở hữu	5.712.846 cổ phần (19,04% - Đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp)
Bạch Văn Hiền – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	04/12/1960
Địa chỉ thường trú	234, đường Đỗ Văn Thi, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa. Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	19.235 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.500.000 cổ phần (15% - Đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp)
Nguyễn Ngọc Danh - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	05/08/1959
Địa chỉ thường trú	197 KP4, phường Thống Nhất, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán thương nghiệp
Số cổ phiếu nắm giữ	19.020 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.000.000 cổ phần (10% - Đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp)

TÓM TẮT LÝ LỊCH HĐQT

Quách Ngọc Bửu – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	07/04/1976
Địa chỉ thường trú	18/8A, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	15.845 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	73.064 cổ phần (0,24% - Đại diện cho Công đoàn Cơ sở Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi)
Trần Võ Hoài Hương – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	09/04/1985
Địa chỉ thường trú	103/53, KP3, phường Trung Dũng, tp. Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý
Số cổ phiếu nắm giữ	8.431 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0.03%
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần (5% - Đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp)
Trần Ngọc Hải Sơn- Thành viên HĐQT	
Năm sinh	28/3/1968
Địa chỉ thường trú	202/6 KP5, phường Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD Công Đoàn
Số cổ phiếu nắm giữ	19.008 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần (5% - Đại diện cho Tổng công ty phát triển Khu Công Nghiệp)
Võ Thành Tâm – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	24/7/1970
Địa chỉ thường trú	26/2B KP1, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	KS. Bảo hộ lao động, Trung cấp điện
Số cổ phiếu nắm giữ	17.928 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	65.757 cổ phần (0,22% - Đại diện cho Công đoàn cơ sở CTCP Môi trường Sonadezi)



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để giám sát các vấn đề như:

- ☞ Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ☞ Thông qua nội dung các cuộc họp và các báo cáo định kỳ, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty để từ đó đưa ra những nhận xét và biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- ☞ Thông qua các báo cáo và ý kiến của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.
- ☞ Kiểm tra tình hình tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-SZE-HĐQT	15/02/2017	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị lần thứ 6.
2	83/QĐ-SZE-HĐQT	23/02/2017	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Môi trường Vĩnh cửu.
3	84/QĐ-SZE-HĐQT	23/02/2017	Quyết định v/v Bổ nhiệm Ông Trần Ngọc Mỹ giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Vĩnh cửu.
4	85/QĐ-SZE-HĐQT	23/02/2017	Quyết định v/v ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty CP Môi trường Sonadezi.
5	87/QĐ-SZE-HĐQT	28/02/2017	Quyết định v/v chấm dứt HĐLĐ đối với Ông Võ Thành Tín – Phó Tổng Giám đốc Công ty.
6	88/QĐ-SZE-HĐQT	28/02/2017	Quyết định v/v ban hành hệ thống thang lương, bảng lương công ty.
7	95/QĐ-SZE-HĐQT	17/03/2017	Quyết định v/v giao nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
8	96/QĐ-SZE-HĐQT	31/03/2017	Quyết định v/v phê duyệt Đơn giá tiền lương – Thù lao kế hoạch năm 2017.
9	08/NQ-SZE-HĐQT	12/06/2017	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị lần thứ 7
10	103/QĐ-SZE-HĐQT	15/06/2017	Quyết định v/v cử nhân sự đại diện phần vốn và tham gia ứng cử HĐQT, BKS công ty CP Dịch vụ Sonadezi.
11	104/QĐ-SZE-HĐQT	19/06/2017	Quyết định v/v ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý và cử, cử lại người đại diện phần vốn của Công ty CP Môi trường Sonadezi.
12	109/QĐ-SZE-HĐQT	02/10/2017	Quyết định v/v ban hành quy định quản lý việc đi nước ngoài của cán bộ - Nhân viên Công ty CP Môi trường Sonadezi.
13	09/NQ-SZE-HĐQT	02/10/2017	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị lần thứ 8.

Các tiêu ban thuộc HĐQT: Không



QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ngô Thị Châu Loan	Trưởng BKS	03	100%	
2	Nguyễn Bích Chương	Thành Viên	03	100%	
3	Nguyễn Bách Thảo	Thành Viên	03	100%	

TÓM TẮT LÝ LỊCH BKS

Ngô Thị Châu Loan - Trưởng BKS	
Năm sinh	11/8/1970
Địa chỉ thường trú	432 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu nắm giữ	19.252 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,06%
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần (5% - Đại diện cho Tổng Công ty phát triển Khu Công Nghiệp)
Nguyễn Bích Chương - Thành Viên	
Năm sinh	9/6/1987
Địa chỉ thường trú	192/16/3 Xã Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	5.668 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,02%
Số cổ phần đại diện sở hữu	11.179 cổ phần (0,04% - Đại diện cho Công đoàn cơ sở CTCP Môi trường Sonadezi)
Nguyễn Bách Thảo - Thành Viên	
Năm sinh	22/1/1982
Địa chỉ thường trú	D6/2. KP 6, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần (5% - Đại diện cho Tổng Công ty phát triển Khu Công Nghiệp)



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty. Cụ thể:

- ☞ Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và được cung cấp các nội dung có liên quan theo yêu cầu.
- ☞ Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng và đạt hiệu quả cao.
- ☞ Ban kiểm soát đã cùng với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- ☞ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp thu các ý kiến góp ý của Ban kiểm soát và đang từng bước cải thiện việc áp dụng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.
- ☞ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện về việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin. Các thành viên Ban kiểm soát được cung cấp các thông tin, báo cáo tài chính ... liên quan đến nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương/thường (đồng)
1	Lương Minh Hiền	Chủ tịch HĐQT	77.280.000	
2	Bạch Văn Hiền	Thành viên HĐQT kiêm TGD	77.280.000	463.184.615
3	Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	77.280.000	406.038.462
4	Quách Ngọc Bửu	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	77.280.000	356.500.000
5	Trần Võ Hoài Hương	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	51.520.000	220.800.000
6	Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên HĐQT	77.280.000	
7	Võ Thành Tâm	Thành viên HĐQT	77.280.000	
8	Ngô Thị Châu Loan	Trưởng BKS	-	331.200.000
9	Nguyễn Bích Chương	Thành Viên	38.640.000	
10	Nguyễn Bách Thảo	Thành Viên	38.640.000	
11	Võ Thành Tín	Phó TGD	-	103.500.000
Tổng cộng			592.480.000	1.881.223.077

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán



Số: 18.132/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Hải Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2843-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017 (Xem TM số 10)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.968.353.210	272.454.259.566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	48.276.044.780	73.062.912.258
1. Tiền	111		16.239.915.419	12.242.211.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.036.129.361	60.820.700.292
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.300.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.648.851.494	190.139.827.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	198.520.987.279	185.934.420.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.878.197.590	1.668.596.415
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.421.577.865	2.693.463.433
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(171.911.240)	(156.652.740)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	6.072.849.780	7.506.436.027
1. Hàng tồn kho	141		6.072.849.780	7.506.436.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		670.607.156	1.745.083.810
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		670.607.156	212.616.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.532.467.810
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.592.455.786	224.871.184.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		285.324.750	102.372.050
1. Phải thu dài hạn khác	216		285.324.750	102.372.050
II. Tài sản cố định	220		101.760.165.440	110.774.962.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	101.760.165.440	110.774.962.419
Nguyên giá	222		252.220.605.545	241.544.211.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.460.440.105)	(130.769.248.722)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		91.782.267.093	92.284.512.613
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	91.782.267.093	92.284.512.613
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.264.698.503	14.209.336.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	5.972.520.662	14.084.967.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		292.177.841	124.369.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		474.560.808.996	497.325.443.567



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	338.579.816.073	385.263.732.201
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.579.816.073	385.263.732.201
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	281.038.992.731	308.003.257.168
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.540.823.342	77.260.475.033
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.762.463.163	3.429.938.396
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	28.615.433.033	32.715.948.158
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.687.853.472	47.974.465.271
8. Thu nhập khác	31		1.079.546.726	1.343.113.599
9. Chi phí khác	32		492.575.877	278.699.106
10. Lợi nhuận khác	40		586.970.849	1.064.414.493
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.274.824.321	49.038.879.764
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	6.689.272.998	8.352.983.535
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(167.808.164)	(124.369.677)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.753.359.487	40.810.265.906
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	803	1.224
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	803	1.224



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương

Kế toán trưởng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017 (Xem TM số 10)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.303.382.036	149.927.050.585
I. Nợ ngắn hạn	310		133.303.382.036	149.927.050.585
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	16.673.587.142	30.203.017.749
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		278.539.026	225.645.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	5.682.326.459	2.142.900.957
4. Phải trả người lao động	314	4.10	25.880.490.372	41.688.090.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	4.200.102.909	4.144.306.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	61.104.122.031	54.857.124.024
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		31.992.980	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	19.452.221.117	16.665.964.787
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.257.426.960	347.398.392.982
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14.1	341.257.426.960	347.398.392.982
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.14.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.210.024.535	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.880.568.963	44.231.559.520
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		7.127.209.476	3.421.293.614
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.753.359.487	40.810.265.906
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		474.560.808.996	497.325.443.567



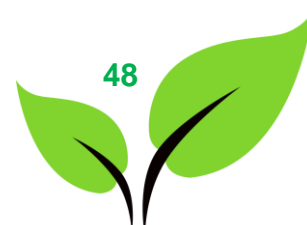
Phê Duyệt

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Điện Biên Phủ, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.274.824.321	49.038.879.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	21.438.191.383	21.730.653.500
Các khoản dự phòng	03		47.251.480	156.652.740
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.949.379.461)	(2.490.074.083)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		50.810.887.723	68.436.111.921
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.812.163.080)	(26.502.105.250)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.424.245.622	2.482.521.156
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(205.967.273)	18.330.226.058
Tăng giảm chi phí trả trước	12		7.654.455.424	4.789.152.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(4.247.939.716)	(6.307.900.021)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.350.000	4.417.661.453
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.095.872.567)	(9.299.843.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.577.996.133	56.345.823.920
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.664.622.441)	(44.858.566.323)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		199.900.000	144.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.300.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.399.858.830	2.432.087.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.364.863.611)	(42.281.978.362)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.5	(24.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.000.000.000)	-
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(24.786.867.478)	14.063.845.558
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		73.062.912.258	58.999.066.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	48.276.044.780	73.062.912.258



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 04 năm 2017.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	Việt Nam	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	Việt Nam	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng		300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 726 (31/12/2016: 753).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa được bắt đầu kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thụ hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng; chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 49 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 19 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 47121000435 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai cho dự án khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ hệ thống chiếu sáng, công viên, quản lý chợ đêm, mai táng, hỏa táng: không chịu thuế;
- Hút hầm vệ sinh, rác thải, rác thải y tế: 0%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.358.102.843	1.804.999.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.881.812.576	10.437.212.073
Các khoản tương đương tiền	32.036.129.361	60.820.700.292
Cộng	48.276.044.780	73.062.912.258

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,5%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 7.600.000.000 VND.

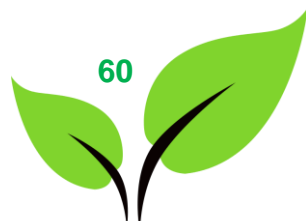


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	114.199.338.815	36.922.493.435	83.741.390.526	287.605.900	6.393.382.465	241.544.211.141
Mua trong năm	-	-	7.367.487.318	-	-	7.367.487.318
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.030.204.087	887.002.999	-	-	138.700.000	5.055.907.086
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 31/12/2017	118.229.542.902	37.809.496.434	89.361.877.844	287.605.900	6.532.082.465	252.220.605.545
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	76.574.972.887	16.935.770.584	36.440.917.850	234.693.396	582.894.005	130.769.248.722
Khấu hao trong năm	6.747.546.397	2.885.968.575	10.864.608.292	12.827.268	927.240.851	21.438.191.383
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 31/12/2017	83.322.519.284	19.821.739.159	45.558.526.142	247.520.664	1.510.134.856	150.460.440.105
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	37.624.365.928	19.986.722.851	47.300.472.676	52.912.504	5.810.488.460	110.774.962.419
Tại ngày 31/12/2017	34.907.023.618	17.987.757.275	43.803.351.702	40.085.236	5.021.947.609	101.760.165.440

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 67.546.633.794 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

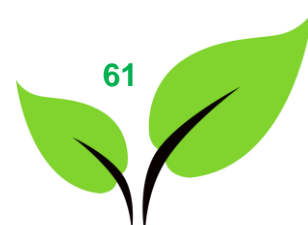
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phòng Quản Lý Đô Thị Biên Hòa	159.318.145.814	166.569.671.472
Các khách hàng khác	38.897.846.945	18.847.478.871
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	304.994.520	517.270.020
Cộng	198.520.987.279	185.934.420.363

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.062.483.360	-	1.937.098.215	-
Công cụ, dụng cụ	1.054.352.073	-	1.125.089.586	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	2.381.377.521	-	3.868.310.676	-
<i>Các công trình giao thông</i>	2.168.634.160	-	3.601.586.776	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	212.743.361	-	134.065.900	-
<i>Các công trình chiếu sáng</i>	-	-	132.658.000	-
Hàng hóa	574.636.826	-	575.937.550	-
Cộng	6.072.849.780	-	7.506.436.027	-

4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

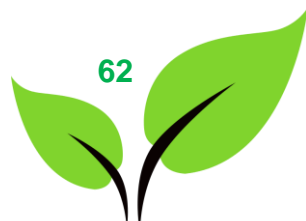
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	91.614.679.378	92.112.660.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	138.868.533	144.144.508
Công trình khác	28.719.182	27.707.727
Cộng	91.782.267.093	92.284.512.613



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2017 VND
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.107.039.502	32.060.208.282	30.076.276.603	3.090.971.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.532.467.810	964.980.250	6.689.272.998	4.247.939.716	1.873.845.722
Thuế thu nhập cá nhân	-	70.881.205	3.037.146.539	2.390.518.188	717.509.556
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	693.771.874	693.771.874	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	1.532.467.810	2.142.900.957	42.490.399.693	37.418.506.381	5.682.326.459



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	869.832.978	653.377.271
Lợi thế kinh doanh	5.102.687.684	11.225.912.888
Chi phí sửa chữa lớn xe vận chuyển rác	-	2.122.164.750
Khác	-	83.512.333
Cộng	5.972.520.662	14.084.967.242

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ Môi Trường Quốc Việt	3.917.713.800	3.917.713.800	-	-
Trạm Xăng Dầu Bến Xe Biên Hòa	1.631.705.820	1.631.705.820	1.248.523.975	1.248.523.975
DNTN Tuấn Ngọc Mỹ	1.266.792.470	1.266.792.470	783.289.570	783.289.570
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn An	1.168.730.000	1.168.730.000	662.074.000	662.074.000
Công ty TNHH ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	14.232.000.000	14.232.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	8.685.400.052	8.685.400.052	13.277.130.204	13.277.130.204
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	3.245.000	3.245.000	-	-
Cộng	16.673.587.142	16.673.587.142	30.203.017.749	30.203.017.749



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 năm 2017 và thường còn phải trả cho người lao động.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

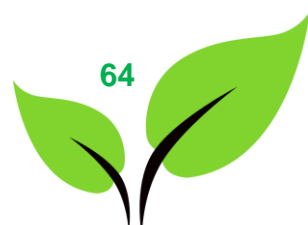
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hố rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	930.713.273	930.713.273
Lắp đặt rào chắn tại vỉa hè công viên Chiến Thắng Long Bình	55.796.000	-
Cộng	4.200.102.909	4.144.306.909

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	7.547.189.737	5.599.460.844
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	364.484.198	137.899.894
Kinh phí công đoàn	296.785.780	299.824.120
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	3.298.605.030	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.813.640.023	1.036.521.903
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy phí quy hoạch cho diện tích 21,7ha dự án khu xử lý chất thải huyện Vĩnh Cửu</i>	400.956.248	400.956.248
Cộng	61.104.122.031	54.857.124.024

4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng	9.134.281.678	8.045.193.497
Quỹ phúc lợi	9.414.695.720	8.620.771.290
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	502.241.266	-
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	401.002.453	-
Cộng	19.452.221.117	16.665.964.787



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

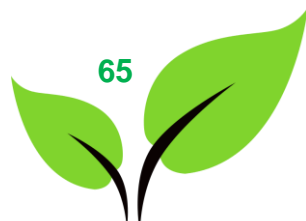
4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/1/2015	300.000.000.000	2.502.683.000	4.917.088.760	3.445.194.816	310.864.966.576
Lãi trong năm trước	-	-	-	40.810.265.906	40.810.265.906
Tăng khác	-	3.216.414.462	-	-	3.216.414.462
Giảm khác	-	(2.552.264.000)	(4.917.088.760)	(23.901.202)	(7.493.253.962)
Tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	44.231.559.520	347.398.392.982
Lãi trong năm nay	-	-	-	26.753.359.487	26.753.359.487
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(3.421.293.614)	(3.421.293.614)
Tại ngày 31/12/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963	341.257.426.960

(*) Khoản nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp việc làm phần lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tái chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty CP Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	26.753.359.487	40.810.265.906
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.675.335.949)	(4.081.026.591)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.078.023.538	36.729.239.315
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	803	1.224

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 03 năm 2017.

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	24.000.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	1.824.391.452	1.511.329.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ	336.225.083.940	382.267.985.592
Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	530.340.681	1.484.417.544
Cộng	<u>338.579.816.073</u>	<u>385.263.732.201</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	822.442.131	985.966.893
Giá vốn của thành phẩm đã bán	280.216.550.600	307.017.290.275
Cộng	<u>281.038.992.731</u>	<u>308.003.257.168</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.012.463.163	2.679.938.396
Cổ tức, lợi nhuận được chia	750.000.000	750.000.000
Cộng	<u>3.762.463.163</u>	<u>3.429.938.396</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.501.151.865	12.039.120.222
Chi phí vật liệu quản lý	731.745.048	788.217.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	927.823.783	1.703.685.675
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	6.123.225.204	7.143.762.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.301.029	1.170.121.453
Thuế, phí và lệ phí	717.665.874	1.412.742.309
Chi phí dự phòng	15.258.500	156.652.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.215.987	1.071.943.101
Chi phí bằng tiền khác	7.875.045.743	7.229.702.587
Cộng	<u>28.615.433.033</u>	<u>32.715.948.158</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.449.900.921	126.147.120.304
Chi phí nhân công	107.163.554.229	152.143.133.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.438.191.383	21.730.653.500
Chi phí dự phòng	15.258.500	156.652.740
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	6.123.225.204	7.143.762.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.250.019.114	8.386.657.671
Chi phí khác bằng tiền	18.727.343.258	22.412.722.427
Cộng	308.167.492.609	338.120.702.796

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

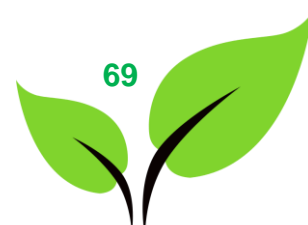
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.274.824.321	49.038.879.764
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.661.786.411	2.367.228.027
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(750.000.000)	(750.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	35.186.610.732	50.656.107.791
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 22%	-	1.004.475.009
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 20%	6.341.223.849	5.478.954.593
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 10%	348.049.149	1.869.553.933
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.689.272.998	8.352.983.535

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn và cổ tức được nhận.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyên rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	<u>Mối quan hệ</u> Công ty mẹ
Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công	Công ty con trong cùng tập đoàn
2. ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

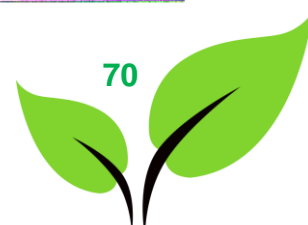
Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	48.102.600	226.888.600
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	7.678.000	4.576.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	236.852.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	47.858.920
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	638.000	484.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	825.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	610.500
Cộng – Xem thêm mục 4.3	304.994.520	517.270.020

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả - Xem thêm mục 4.8:		
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	(3.245.000)	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng:		
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	111.780.000	163.816.840
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	143.518.181	372.070.500
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	92.880.000	115.610.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	-	236.852.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	3.000.000	6.050.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	19.800.000	200.311.204
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	31.920.000	38.082.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	43.080.000	38.439.500
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.757.500	300.260.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.420.000	4.713.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	6.105.000	8.211.500
Trường cao đẳng công nghệ và Quản Trị Sonadezi	68.080.000	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	530.340.681	1.484.417.544



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2017		Tại ngày 01/11/2015	
	VND		VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	185.934.420.363	185.934.420.363	155.228.287.825	150.842.013.961
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.532.467.810	1.065.227.737	3.579.551.324	3.579.551.324
Chi phí trả trước dài hạn	14.084.967.242	11.455.912.888	18.820.375.626	18.820.375.626
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.142.900.957	1.177.920.707	4.516.048.514	3.551.068.264
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.231.559.520	42.100.245.343	3.445.194.816	23.901.202
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	3.421.293.614	-	23.901.202	23.901.202
LNST chưa phân phối kỳ này	40.810.265.906	42.100.245.343	3.421.293.614	-

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016	
	VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng	385.263.732.201	389.650.006.065
Giá vốn hàng bán	308.003.257.168	310.548.799.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.715.948.158	32.799.460.491
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.352.983.535	8.820.223.608
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.224	1.260
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.224	1.260

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016	
	VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	49.038.879.764	50.796.099.274
Tăng, giảm các khoản phải thu	(26.502.105.250)	(30.888.379.114)
Tăng giảm chi phí trả trước	4.789.152.384	7.418.206.738

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Hiện nay, Công ty đang ghi nhận doanh thu cho dịch vụ công ích xử lý rác khu vực Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo đơn giá tạm tính là 290.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), đơn giá này đang được Công ty trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai chờ phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phê duyệt giá chính thức cho loại hình dịch vụ xử lý rác từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.



Phê duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng





Biên Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bạch Văn Kiên

